

Bản án số: 115/2019/HS-ST

Ngày: 30-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ-TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thuận

2. Ông Nguyễn Thế Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 118/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thu M, tên gọi khác: không; Sinh ngày: 02/5/1968 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu: Tổ 09, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở tạm trú hiện nay: K478/37 đường D, phường G, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ văn hoá: 06/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Quang L (chết) và bà Hồ Thị T (chết); Chồng: Hoàng Kim Q (đã ly hôn năm 1999); Con: Hoàng Kim T1 (sinh năm 1996).

Tiền án: không

Tiền sự: không.

Bị cáo bị hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Bé M1, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: K02/25 đường T, phường K, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Đặng Thị Thu T2, sinh năm 1969; Địa chỉ: K442 H43/01 đường A, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19 giờ 30 phút, ngày 29/7/2019, Nguyễn Thị Bé M1 cùng Nguyễn Thị Thu M và một số người bạn đến ăn uống tại quán “E” ở địa chỉ số 445-447 đường T, phường M, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Khi ngồi ăn uống, chị M1 và M ngồi chung bàn, đối diện nhau, chị M1 có để một túi xách màu đen, bên trong có 02 chiếc điện thoại di động và số tiền 13.500.000đ (*mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng*) trên ghế ngồi của mình. Đến 21 giờ 30 phút, cùng ngày, chị M1 cùng những người trong bàn lên sân khấu tham gia văn nghệ, nên M nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của chị M1. M giả vờ lên sân khấu tham gia văn nghệ, lợi dụng mọi người không để ý, M quay xuống bàn cầm túi xách của chị M1 vào phòng vệ sinh nữ lục lấy 13.500.000đ (*mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng*) bỏ vào túi xách của mình, rồi để túi xách của chị M1 trên bình gar gần nhà vệ sinh, sau đó đi ra ngoài tiếp tục ăn uống. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, chị M1 phát hiện bị mất túi xách nên những người trong bàn ăn đi tìm thì thấy túi xách của chị M1 nằm trên bình gar gần phòng vệ sinh. Chị M1 kiểm tra trong túi xách còn 02 chiếc điện thoại di động nhưng 13.500.000 đồng bị mất. Những người trong bàn ăn kiểm tra tài sản của nhau thì thấy trong túi xách của M có 13.500.000 đồng nhưng M không thừa nhận trộm cắp số tiền của chị M1. Sau đó, chị Đặng Thị Thu T2 bạn ngồi cùng bàn chở M về. Trên đường về, M ngồi sau lấy 5.500.000 đồng trong số tiền trộm cắp được để ở trong túi xách vứt bỏ bớt. Khi đi được một đoạn thì có người trong quán đuổi theo yêu cầu chị T2 và M quay lại quán để báo Công an phường Tam Thuận đến làm việc. Tại Công an phường Tam Thuận, M khai nhận đã trộm cắp 13.500.000 đồng của chị M1.

Vật chứng thu giữ:

- Lúc 12 giờ 05 phút, ngày 30/7/2019, Công an phường Tam Thuận đã tạm giữ số tiền 8.000.000 đồng là tiền M trộm cắp còn để trong túi xách.

- Đến 18 giờ 30 phút, ngày 30/7/2019, tại Công an quận Thanh Khê, M tự nguyện giao nộp số tiền 5.500.000 đồng để bồi thường thiệt hại.

- Ngày 01/8/2019, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thanh Khê đã trả lại 13.500.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Bé M1.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Thị Thu M tự nguyện nộp 5.500.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho chị M1. Chị M1 không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho M.

Cáo trạng số 121/CT-VKS-TK ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng truy tố Nguyễn Thị Thu M về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Thu M trình bày nội dung sự việc và thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố là đúng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu M phạm tội trộm cắp tài sản

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt bị cáo

Nguyễn Thị Thu M từ 09 (chín) đến 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Nguyễn Thị Bé M1 đã nhận lại toàn bộ số tiền đã bị mất trộm và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập.

Đối với 02 (hai) chiếc điện thoại trong túi xách của bà Nguyễn Thị Bé M1, bị cáo không có ý định chiếm đoạt, người bị hại đã tìm thấy tài sản ngay sau khi phát hiện bị mất và không có yêu cầu gì nên không đề cập.

Bị cáo Nguyễn Thị Thu M không tranh luận, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát.

Bị hại là bà Nguyễn Thị Bé M1 không có ý kiến tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo M để bị cáo có cơ hội lao động, cải tạo tu dưỡng trở thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo Nguyễn Thị Thu M nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi vi phạm của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thì thấy:

Qua xem xét lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào lúc 21 giờ 30 phút, ngày 29/7/2019, tại quán “E” địa chỉ số 445-447 đường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, lợi dụng sơ hở của người bị hại trong việc quản lý tài sản, bị cáo Nguyễn Thị Thu M đã lén lút trộm cắp số tiền 13.500.000đ (*Mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng*) của bà Nguyễn Thị Bé M1. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Thu M đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét thấy, bị cáo Nguyễn Thị Thu M là người có đầy đủ năng lực điều khiển hành vi, có sức khỏe nhưng vì lòng tham nhất thời, lợi dụng sơ hở của người bị hại nên bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp của bà Nguyễn Thị Bé M1 số tiền 13.500.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã tự nguyện khắc phục, bồi thường thiệt hại cho bị hại; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn; bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù; bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng có tác dụng răn đe, như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với Điều 65 của Bộ luật hình sự và Điều 2 Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Nguyễn Thị Bé M1 đã nhận lại đủ số tiền 13.500.000 đồng và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[7] Đối với 02 (hai) chiếc điện thoại trong túi xách của bà Nguyễn Thị Bé M1, bị cáo không có ý định chiếm đoạt, người bị hại đã tìm thấy tài sản ngay sau khi phát hiện bị mất và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Thu M phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

- Căn cứ Điều 2 Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thu M phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thu M 09 (*chín*) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 30/10/2019.

Tuyên giao bị cáo Nguyễn Thị Thu M về Ủy ban nhân dân phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Thu M thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu M phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*).

3. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

(Đã giải thích chế định án treo theo khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự)

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Sở tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Trại tạm giam CA TP Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT CA quận Thanh Khê;
- Cơ quan THAHS CA quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đức Thiện